

Phụ lục III
Điều chỉnh tên gọi các đoạn, tuyến đường trong Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

1. Thành phố Cà Mau

a. Đất ở tại đô thị

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh						
1	7	Đường Hà Huy Giáp (Tên cũ: Đường đi UBND xã Hồ Thị Kỳ (cũ))"	Vòng xoay đường Ngô Quyền	Cầu Bạch Ngưu (nhỏ) (Tên cũ: Cầu Bạch Ngưu)	1.800	
2	15	Đường Lê Tôn Khuyên (Tên cũ: Đường Kênh Xáng Phụng Hiệp)	Hết ranh phường 4	Hết ranh phường Tân Xuyên	1.700	
b. Đất ở tại nông thôn						
1	24	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (tên cũ: Đường Lê Hồng Phong)	Đường Lê Hồng Phong (tên cũ: Giáp ranh phường 8)	Giáp Bến xếp dỡ hàng hóa Công ty Minh Phú (tên cũ: Sông gành Hào)	7.140	

2. Huyện Thới Bình

a. Đất ở tại đô thị

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1	20	Đường 1 tháng 5	Giáp Đường 19 tháng 5	Giáp đường Lê Hoàng Thá (Tên cũ: <i>Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng (Đường Hành lang ven biển phía Nam cũ)</i>)	1.200	
2	22	Đường 13/12 (Tên cũ: <i>Lộ bê tông Trung tâm Văn hóa TDTT và khu vực liền kề</i>)	Giáp ranh Trụ sở văn hoá khóm 2	Trung tâm Thể dục thể thao	450	
3	30	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ thị trấn Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cổng kênh Tám Thước	Cách cầu Bà Hội: 500m	1.000	
4	31	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ thị trấn Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cách cầu Bà Hội: 500m	Cầu Bà Hội + 100m	700	
5	32	Đường DH 08 (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Kênh Zê Rô (Ranh đất ông Thế)	Rạch Giồng Nhỏ	200	
6	34	Đường DH 08 (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Kênh Zê Rô (Bờ Tây sông Trẹm)	Đầu kênh xáng (Đối diện Đình Thần)	500	
7	35	Đường lộ tuyến kênh Zê Rô (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Đầu kênh Zê Rô (Giáp sông Trẹm)	Đi U Minh (Hết ranh đất ông Bảy Càn)	160	
8	38	Đường DH 04 (Tên cũ: <i>Thị trấn - Biển Bạch (Bờ Đông Sông Trẹm)</i>)	Rạch Ông	Kênh Ba Chùa	400	
9	39	Lộ bê tông qua đất ông Sáu Đạt	Đường DH 04 (Tên cũ: <i>Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch</i>)	Giáp Đường Lê Hoàng Thá (Tên cũ: <i>Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng</i>)	250	

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10	45	Đường Lê Duẩn (Tên cũ: Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải)	Cầu Bà Đặng	Phòng Giáo dục (Giáp ranh xã Thới Bình)	250	
11	46	Đường ĐH 07 (Tên cũ: <i>Kinh Chấn Bể (Bờ Tây)</i>)	Từ Cầu Lộ xe	Giáp xã Thới Bình	2.000	
12	51	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Đường Thới Bình - U Minh, thị trấn Thới Bình</i>)	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam	Cầu treo qua Sông Trẹm	700	
13	52	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Đường Thới Bình - U Minh, thị trấn Thới Bình</i>)	Cầu treo qua Sông Trẹm	Giáp ranh xã Thới Bình	450	
14	53	Kênh số 2 (2 bên) (Tên cũ: <i>Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Đường ĐH 08 (Tên cũ: <i>Lộ bờ tây Sông Trẹm</i>)	Giáp ranh xã Nguyễn Phích, huyện U Minh (Tên cũ: xã <i>Nguyễn Phích - U Minh</i>)	120	
15	54	Đường ĐH 08 (Tên cũ: Bờ Tây Sông Trẹm)	Kênh số 1	Kênh số 3	150	
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh						
16	3	Bờ Nam Kênh Láng Trâm (tên cũ: Bờ Nam Kênh 8 thụt)	Cầu Kênh Láng Trâm giáp đường Hồ Thị Kỷ (tên cũ: Cầu Kênh 8 Thụt)	Giáp ranh xã Thới Bình (tên cũ: Lộ Xuyên Á)	300	Theo báo cáo UBND Thị trấn

b. Đất ở tại nông thôn

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Xã Biển Bạch						
1	1	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Giáp ranh xã Tân Bằng	Kênh 12 + 500m	220	
2	2	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Kênh 12 + 500m	Kênh 13 + 500m	420	
3	3	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Kênh 13 + 500m	Rạch Ngã Bát	340	
4	6	Đường ĐH 08 (Tên cũ: <i>Lộ Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Giáp ranh xã Tân Bằng	Kênh 25	200	
2. Xã Tân Bằng						
5	11	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh Năm	300	
6	12	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Kênh Năm	Kênh Sáu	300	
7	13	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Kênh Sáu	Kênh Bảy	720	
8	14	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Kênh Bảy	Kênh Chín	300	
9	23	Đường ĐH 08 (Tên cũ: <i>Lộ Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Giáp ranh xã Biển Bạch Đông	Kênh 11 lớn	200	
3. Xã Biển Bạch Đông						
10	29	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Kênh Ba Chùa	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông cũ 300m	250	

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	30	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Cách trụ sở UBND xã Biển Bạch Đông cũ 300m (Về hướng thị trấn Thới Bình)	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông cũ	350	
12	31	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Hết ranh UBND xã Biển Bạch Đông cũ	Cách UBND xã Biển Bạch Đông cũ: 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	300	
13	32	Đường ĐH 04 (Tên cũ: <i>Bờ Đông sông Trẹm</i>)	Cách UBND xã Biển Bạch Đông cũ 300m (Về hướng xã Tân Bằng)	Giáp ranh xã Tân Bằng	260	
14	33	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Giáp lộ bê tông Thới Bình - Biển Bạch	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam (Tên cũ: <i>Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng</i>)	300	
15	34	Lộ nhựa dọc theo Kênh Sáu La Cua (Bờ Bắc)	Giáp đường Hành lang ven biển phía Nam (Tên cũ: <i>Giáp lộ nhựa Thới Bình - Tân Bằng</i>)	Kênh 9 (Giáp xã Trí Lực)	260	
16	35	Đường ĐH 08 (Tên cũ: <i>Lộ Bờ Tây Sông Trẹm</i>)	Kênh số 3	Kênh số 9 giáp ranh xã Tân Bằng	200	
4. Xã Trí Phải						
17	48	Đường ĐT.983 (Tên cũ: <i>Tuyến lộ nhựa thị trấn Thới Bình - Trí Phải</i>)	Kênh Lầu	Hết Ranh nhà máy đường cũ	1.100	
18	49	Đường ĐT.983 (Tên cũ: <i>Tuyến lộ nhựa thị trấn Thới Bình - Trí Phải</i>)	Hết Ranh nhà máy đường cũ	Quốc lộ 63 (Bao gồm cả khu chợ)	1.500	
5. Xã Thới Bình						
19	62	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cầu Bà Hội +100m	Cổng Thới Hòa	600	
20	63	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cổng Thới Hòa	Giáp ranh xã Tân Lộc	400	

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	64	Đường ĐT.983 (Tên cũ: <i>Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải</i>)	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Cổng xã Thới Bình	1.000	
22	65	Đường ĐT.983 (Tên cũ: <i>Tuyến lộ thị trấn Thới Bình - Trí Phải</i>)	Cổng xã Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	500	
23	68	Đường 30/4 (Tên cũ: <i>Lộ tránh thị trấn Thới Bình (Phía sau huyện đội)</i>)	Giáp ranh Thị trấn Thới Bình	Nút giao với đường Hành lang ven biển phía Nam	1.000	
24	71	Đường ĐH 07 (Tên cũ: <i>Đường Đê Tây sông Chắc Bãng</i>)	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Giáp ranh xã Trí Phải	350	
25	73	Lộ về Trung tâm xã Thới Bình	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Trụ sở UBND xã Thới Bình	350	
26	74	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Đường Thới Bình - U Minh</i>)	Giáp ranh thị trấn Thới Bình	Cầu Bình Minh (Tên cũ: <i>Giáp ranh huyện U Minh</i>)	300	
6. Xã Tân Lộc Đông						
27	86	Đường ĐH 02 (Tên cũ: <i>Lộ Tân Phong</i>)	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc)	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	195	
28	87	Đường ĐH 02 (Tên cũ: <i>Lộ Tân Phong</i>)	Cách Kinh xáng Phụng Hiệp: 500m	Kinh xáng Phụng Hiệp	220	
29	88	Đường ĐH 02 (Tên cũ: <i>Lộ Tân Phong</i>)	Cầu Đầu Xấu	Bến phà Đầu Xấu (Giáp kinh xáng Phụng Hiệp)	350	
7. Xã Tân Lộc Bắc						
30	109	Đường ĐH 02 (Tên cũ: <i>Lộ Tân Phong</i>)	Cầu Tân Bình	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	250	

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
31	110	Đường ĐH 02 (Tên cũ: <i>Lộ Tân Phong</i>)	Hết ranh Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m	300	
32	111	Đường ĐH 02 (Tên cũ: <i>Lộ Tân Phong</i>)	Trạm y tế xã Tân Lộc Bắc + 500m	Cổng Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc)	300	
8. Xã Tân Lộc						
33	117	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Giáp ranh xã Thới Bình	Cầu Rạch Giáng	350	
34	118	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cầu Rạch Giáng	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	400	
35	119	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Hết ranh đất ông Tám Sỹ	Cầu Bạch Ngưu	600	
36	120	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Lộ nhựa Thới Bình - Tân Lộc</i>)	Cầu Bạch Ngưu	Quốc lộ 63	700	
37	129	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Tuyến Tân Lộc - Vàm Bướm</i>)	Cầu số 4 (Bờ Bắc, ấp 3)	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Ấp 3)	260	
38	130	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Tuyến Tân Lộc - Vàm Bướm</i>)	Hết ranh đất ông Ba Nhuận (Bờ Bắc, ấp 3)	Giáp ranh xã Tân Lộc Đông	160	
39	131	Đường ĐT 983B (Tên cũ: <i>Tuyến Tân Lộc - Vàm Bướm</i>)	Cầu số 4 (Bờ Nam)	Ngang nhà ông Ba Nhuận	270	
40	132	Đường ĐH 02 (Tên cũ: <i>Lộ Tân Phong</i>)	Cổng Đường Giữa (Giáp ranh xã Tân Lộc Bắc)	Kênh C4 (Giáp ranh xã Tân Lộc Đông)	160	

3. Huyện Cái Nước

a. Đất ở tại đô thị

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	22	Đường Nguyễn Khuyến (Tên cũ: Hẻm số 1)	Đường 30-4	Đường 2-9	1.400	Sửa đổi tên đường theo Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau
2	23	Đường Nguyễn Khuyến (Tên cũ: Hẻm số 1)	Đường 2-9	Đường 1-5	1.200	
3	31	Lộ Tân Duyệt	Cổng Cây Hương	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	1.000	
4	32	Lộ Tân Duyệt	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Giáp ranh xã Đông Thới	500	
5	34	Đổi diện lộ Tân Duyệt	Đổi diện Cổng Cây Hương	Đổi diện Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đổi diện Đường Vành Đai đổi diện)	400	
6	35	Đổi diện lộ Tân Duyệt	Đổi diện Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đổi diện Đường Vành Đai)	Đổi diện Đập Ông Phụng	350	
7	37	Đường Phạm Ngọc Thạch (Tên cũ: Đường Cách Mạng tháng 8)	Quốc Lộ 1A	Đường 19/5	2.500	
8	38	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Đường Hồ Thị Kỷ (Tên cũ: Cầu Tà chính)	Cầu Vành Đai	1.200	
9	39	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đường Vành Đai)	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	900	
10	40	Đổi diện đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đổi diện đường Vành Đai)	Cầu Tà chính	Cầu Lộ Hãn	600	
11	41	Đổi diện đường Cách Mạng Tháng Tám (Tên cũ: Đổi diện đường Vành Đai)	Cầu Vành Đai	Lộ Tân Duyệt	350	

b. Đất ở tại nông thôn

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
01	73	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Hưng	Cầu Cựa Gà	Cầu Tân Bửu (tên cũ: Cầu Nhà Phấn)	440	

4. Huyện Đầm Dơi**a. Đất ở tại đô thị**

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Các tuyến đường được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh						
1	63	Phan Thị Đệ (Tên cũ: Đường 3/2)	Cầu Cây Dương	Lộ 30/4 đi Cà Mau	1.500	Sửa đổi tên đường theo Nghị quyết số 20/2019/NQ- HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

b. Đất ở tại nông thôn (không sửa đổi)

5. Huyện Trần Văn Thời**a. Đất ở tại đô thị (không sửa đổi)****b. Đất ở tại nông thôn**

STT	STT theo bảng giá hiện hành	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất hiện hành	Ghi chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Xã Trần Hợi						
1	96	UBND xã - kênh Cũ	Ngã tư UBND xã (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Tấn Kiệt (tên cũ: Hết ranh đất ông Phạm Văn Diên)	500	
2	97	UBND xã - kênh Cũ	Ranh đất ông Phạm Tấn Kiệt (tên cũ: Ranh đất ông Phạm Văn Diên)	Ngã ba kênh Chùa hết đất ông Tiến	400	
3	98	UBND xã - kênh Cũ	Ngã tư UBND xã (Bờ Tây)	Hết Ranh ông Trương Quốc Khởi (Tên cũ: Hết Ranh ông Phạm Văn Đoàn)	950	
4	99	UBND xã - kênh Cũ	Hết Ranh ông Trương Quốc Khởi (Tên cũ: Ranh ông Phạm Văn Đoàn)	Hết ranh đất Trường Trung học Trần Hợi I	800	
5	119	Cầu kênh Đứng - Co Xáng	Ranh đất bà Trần Thị Sa	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến (Tên cũ: Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tri)	600	
Xã Khánh Bình Tây						
6	128	Tuyến Coi 5 - Hòn Đá Bạc	Cầu Coi 5 (đất ông Trương Văn Tám) (Tên cũ: Cầu Coi 5)	Cầu Kênh Đứng (nhà ông Hoà Lợi)	800	
7	137	Tuyến lộ nội ô chợ (Phía dưới sông)	Nhà ông Tư Gương	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Phượng (Tên cũ: Hết ranh đất ông Lâm Minh Lý)	900	
8	2	Tuyến qua cống Đá Bạc (bờ Bắc) (Tên cũ: Tuyến qua cống Đá Bạc, Bờ Nam)	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quýt (Tên cũ: ranh đất ông Lâm Văn Thùy)	Ranh đất bà Lê Diệu Cẩm (Tên cũ: Hết ranh đất ông Trần Văn Ngời)	800	Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021
Xã Khánh Lộc						

9	201	Tuyến vào Kênh Trảng Cò	Đầu vàm Trảng Cò (bờ tây)	Cuối kênh Trảng Cò đất Phan Thị Dân (Tên cũ: Cuối kênh Trảng Cò đất ông Mãi)	350	
10	202	Tuyến vào kênh Trảng Cò	Đầu vàm Trảng Cò (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Trần Văn Khởi (Tên cũ: Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Dân)	300	
11	206	Tuyến dọc theo kênh Số 2 (Tên cũ: Tuyến dọc theo kênh Tư)	Đầu cống kênh Tư (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Tám Thê	350	
12	209	Kênh Đòn Dong	Đầu kênh Đòn Dong (Tên cũ: Trường Tiểu học 2)	Cuối kênh Đòn Dong	300	
13	210	Tuyến kênh Cây Ổi	Ranh đất ông Huỳnh (Bờ Nam) (Tên cũ: Ranh đất ông Huỳnh (Bờ Bắc))	Hết ranh đất ông Tám Em (Bờ Nam) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Tám Em (Bờ Bắc))	250	
14	211	Tuyến kênh Cây Ổi	Hết ranh đất ông Kiệt (Bờ Bắc) (Tên cũ: Hết ranh đất ông Kiệt (Bờ Nam))	Hết ranh đất bà Phụng (Bờ Bắc) (Tên cũ: Hết ranh đất bà Phụng Bờ Nam)	200	
15	212	Kênh Ngang	Ranh đất ông bà Lê Thị Hy (Tên cũ: Ranh đất ông Ba Phiên)	Hết ranh Nghĩa trang Ba Cô (Bờ Nam)	350	
16	213	Kênh Ngang	Ranh đất ông Tám Định (Tên cũ: Ranh đất ông Đình Ngọc Đạt)	Hết ranh đất ông Hiệp Bờ Bắc	350	
Xã Lợi An						
17	373	Trung tâm xã	Cầu lớn Vàm Ông Tự	Kênh Biện Đê (Hết đất ông Kiều Văn Tài) (Tên cũ: Kênh Biện Đê (Hết đất ông Nguyễn Minh Hòa))	600	
18	375	Trung tâm xã	Cầu vàm về hướng Tây (Ngoài đê)	Cầu Phát Thạnh (Tên cũ: Hết ranh đất bà Lê Thị Sang)	500	
19	387	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Tên cũ: Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê))	Cầu Phát Thạnh	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (Trong đê)	600	
20	388	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Tên cũ: Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê))	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (Trong đê)	Giáp Vàm Rạch Lãng	600	
21	389	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Tên cũ: Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê))	Vàm Rạch Lãng	Giáp ranh xã Phong Lạc (lộ nhựa trong đê)	600	